



hú li jīng

狐狸精

noun · vixen; seductive woman

Example Sentences

Tā bèi rén mà chéng hú li jīng
她被人骂成狐狸精。

She was called a vixen.

Zhè ge gù shì lǐ de hú li jīng qí shí hěn shàn liáng
这个故事里的狐狸精其实很善良。

The fox spirit in this story is actually very kind.

Trace each character, then write the word on your own.

狐	狐	狐	狐	狐	狐	狐	狐	狐	狐	狐
狸	狸	狸	狸	狸	狸	狸	狸	狸	狸	狸
狸	狸									
精	精	精	精	精	精	精	精	精	精	精
精	精	精	精	精	精					